

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS-ST.

Ngày: 27-3-2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Võ Thị Thanh Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 202/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính J.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H - Trưởng bộ phận cấp cao Bộ phận Quản lý công nợ - Văn bản ủy quyền số 13/2023/UQ-JIVF ngày 29-5-2023.

Cùng địa chỉ: Lầu N Tòa nhà C, số A đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1988 – Nhân viên JIVF – Văn bản ủy quyền số 424/2023/UQLM-JIVF ngày 03-10-2023 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1989 – *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 15-11-2022, Công ty Tài chính J cho chị Phạm Thị D, trú tại Thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vay số tiền 30.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 930350003396748000, mục đích vay để sửa chữa nhà ở. Thời hạn vay 20 tháng, lãi suất tại thời điểm vay 3,87%/tháng (46,44%/năm). Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kỳ hạn trả nợ: theo tháng cả gốc và lãi. Số tiền thanh toán mỗi kỳ 2.194.116 đồng, ngày trả nợ kỳ đầu tiên 12-12-2022; số tiền thanh toán cuối kỳ 1.789.228 đồng, ngày đến hạn trả nợ cuối kỳ theo dự kiến là 12-7-2024.

Công ty đã giải ngân số tiền 30.000.000 đồng ngày 15-11-2022, theo hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 53002059142XX mở tại ngân hàng Agribank, tên khách hàng Phạm Thị D.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ tháng 12 năm 2022 đến tháng 4 năm 2023, chị Phạm Thị D đã trả được 10.981.646 đồng. Từ tháng 5 năm 2023 đến nay chị D không còn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Hợp đồng tín dụng ký kết bằng hình thức hợp đồng điện tử, khách hàng có nhu cầu liên lạc, Công ty gửi email có đường dẫn, khách hàng ký hợp đồng, chụp hình chữ ký dán lên hợp đồng, bấm lưu trực tuyến rồi Công ty thẩm định hồ sơ và giải ngân.

Từ tháng 6 năm 2023, Công ty đã cử nhân viên đến nhà, gọi điện thoại đôn đốc trả nợ nhưng không gặp được chị D. Đến nhà không gặp được, gọi điện thoại không nghe máy. Không rõ chị D đã đi đâu.

Chị D vay tiền không thế chấp tài sản đảm bảo.

Do chị Phạm Thị D vi phạm nghĩa vụ của bên vay, vi phạm Điều 3, Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 930350003396748000 ngày 15-11-2022 mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty Tài chính J. Vì vậy Công ty Tài chính J yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị D trả số tiền 32.398.769 đồng, trong đó nợ gốc 24.249.741, lãi 7.404.908 đồng, lãi quá hạn 648.120 đồng và phí quản lý tiền vay 96.000 đồng (tính tới ngày 08-12-2023); buộc chị D tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 08-12-2023 cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 15-11-2022.

Bị đơn chị Phạm Thị D đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không hợp tác làm việc nên không có trình bày.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa

lần thứ 2 không có lý do; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do chị Phạm Thị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên buộc chị Phạm Thị D phải trả nợ gốc còn lại; tiền lãi, phí tính tới ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi trên nợ gốc cho đến khi trả nợ xong cho Công ty Tài chính J theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phạm Thị D đăng ký thường trú tại Thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ ghi trong Hợp đồng tín dụng tại Thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của các đương sự: Sau khi thông báo, triệu tập, tổng đạt văn bản nhiều lần chị Phạm Thị D, là bị đơn không có mặt làm việc, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã Nam Bình, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, kết quả xác định chị D có đăng ký thường trú tại Thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nhưng hiện không sinh sống tại địa phương. Chị D không thông báo cho Công ty Tài chính J, là bên có quyền biết địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án nhân dân huyện Đắk Song căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với chị D theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phạm Thị D đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính J:

Xét hợp đồng tín dụng:

Ngày 15-11-2022, chị Phạm Thị D ký kết Hợp đồng tín dụng số 930350003396748000, vay Công ty Tài chính J số tiền 30.000.000 đồng. Thời hạn vay 20 tháng, lãi suất 3,87%/tháng; 46,44%/năm, mục đích vay để sửa chữa nhà ở. Kỳ hạn trả nợ theo tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ gồm gốc, lãi, phí là 2.194.116 đồng, ngày đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên 12-12-2022. Số tiền thanh toán kỳ cuối dự kiến 1.789.228 đồng, ngày đến hạn trả nợ kỳ cuối dự kiến 12-7-2024. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Công ty Tài chính J được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính số 80/GP-NHNN ngày 25-7-2018, thay thế cho Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính số 90/GP-NHNN ngày 13-4-2010. Tại Điều 4 của Giấy phép, về nội dung hoạt động, được thực hiện các hoạt động của công ty tài chính tín dụng tiêu dùng theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm:

“... 2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng;...”

Phương thức ký kết hợp đồng tín dụng giữa Công ty Tài chính J và chị Phạm Thị D được thực hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu điện tử. Nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số cho tên thuê bao PHẠM THỊ D, số Serial 54010104584BC2AB32AB07BDF4BF8B03; Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT được Bộ trưởng Bộ thông tin và truyền thông cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng số 563/GP-BTTTT ngày 03-12-2020.

Căn cứ các Điều 398, 401 của Bộ luật Dân sự; Điều 34 của Luật Giao dịch điện tử năm 2005; khoản 2 Điều 91, Điều 108 của Luật các Tổ chức tín dụng, Hợp đồng tín dụng số 930350003396748000 có nội dung, hình thức phù hợp và đã phát sinh hiệu lực thi hành kể từ ngày hai bên ký kết, ngày 15-11-2022.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty Tài chính J đã giải ngân cho chị Phạm Thị D số tiền 30.000.000 đồng ngày 16-11-2022 theo Ủy nhiệm chi số 1031122K16908864; tài khoản nhận tiền 53002059142XX, người hưởng PHẠM THỊ D, tài khoản mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, chị Phạm Thị D đã trả gốc và lãi đúng hạn đến ngày 12-4-2023. Kỳ gốc và lãi kể từ ngày 12-5-2023 chị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến nay. Tổng số tiền gốc đã trả là 5.750.259 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả 5.171.387 đồng.

Do chị Phạm Thị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo kỳ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay là Công ty Tài chính J, căn cứ Điều 282 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 7, 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, cần buộc chị Phạm Thị D phải

trả nợ gốc, lãi, phí cho Công ty Tài chính J theo thỏa thuận giữa hai bên tại Hợp đồng tín dụng số 930350003396748000 ngày 15-11-2022, cụ thể:

Nợ gốc: 24.249.741 đồng.

Lãi, lãi quá hạn tính từ ngày 13-4-2023 đến ngày 27-3-2024: 11.214.104 đồng, trong đó lãi trên nợ gốc 10.798.810 đồng, lãi quá hạn 1.779.752 đồng.

Phí quản lý tiền vay: Được quy định tại Điều 1 của Hợp đồng tín dụng, biểu phí công bố công khai trên website <https://jaccs.com.vn/vi/>: 12.000 đồng/kỳ thanh toán. Chị Phạm Thị D phải trả phí 12 kỳ là: 12.000 x 12 kỳ = 144.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị Phạm Thị D phải trả cho Công ty Tài chính J tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 27-3-2024 là 36.972.303 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính J được chấp nhận nên chị Phạm Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 282 của Bộ luật Dân sự, Điều 91, Điều 95, Điều 108 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 34 Luật Giao dịch điện tử năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính J.

Buộc chị Phạm Thị D phải trả cho Công ty Tài chính J số tiền 36.972.303đ (*Ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm lẻ ba đồng*) tính tới ngày xét xử sơ thẩm, ngày 27-3-2024. Trong đó nợ gốc là 24.249.741 đồng, lãi trên nợ gốc 10.798.810 đồng, lãi quá hạn 1.779.752 đồng và phí quản lý khoản vay 144.000 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, chị Phạm Thị D vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số dư nợ gốc theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 930350003396748000 ngày 15-11-2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí:

Chị Phạm Thị D phải nộp 1.848.615đ (*Một triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm mười lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Tài chính J 707.000đ (*Bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001386 ngày 11 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà